PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH
Người giảng: Lão Pháp Sư Tịnh Không
Tập 4

Nhà Phật gọi là một đại kiếp, đó là nói đơn vị thời gian rất lớn. Trong một đại kiếp này có một ngàn vị Phật ra đời ở thế giới Ta Bà. Thế giới Ta Bà chúng ta hiện tại là ở trong đại thiên thế giới. Địa cầu này của chúng ta là một tinh cầu nhỏ trong đại thiên thế giới. Lúc trước người thông thường đa phần cho rằng đại thiên thế giới mà nhà Phật đã nói đại khái là hệ Ngân Hà mà các nhà thiên văn học hiện tại chúng ta phát hiện ra. Thế nhưng cách nhìn của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ không như vậy, ông có viết một đoạn văn chương ở phía sau quyển chú giải Kinh Vô Lượng Thọ. [Khi tôi ở Đài Loan, ông từ Bắc Kinh gởi đến, đây là lần sau cùng ông gởi cho tôi, hy vọng tôi đem thiên văn chương này để vào phía sau phần chú giải, bởi vì lúc ông giảng Kinh để sót đoạn này]. Ông là một nhà khoa học, dạy vô tuyến điện trong Trường đại học Thiên Tân, ông là giáo thọ khoa học của Trường đại học Thiên Tân. Căn cứ cách nhìn của ông, hiện tại chúng ta gọi là hệ Ngân Hà, trên thực tế chỉ là một đơn vị thế giới mà trong Phật pháp thường gọi, cũng chính là nói, đơn vị thế giới này ở trên Kinh Phật nói là lấy núi Tu Di làm trung tâm, thái dương cũng là xoay vòng theo núi Tu Di. Núi Tu Di rốt cuộc là cái gì? Từ xưa đến giờ chưa có người nào có thể đem việc này nói cho rõ ràng. Hoàng Lão cư sĩ nói, "núi Tu Di chắc là lỗ đen mà thiên văn đã phát hiện". Ông nói cũng có đạo lý. Lỗ đen chính là ngày nay chúng ta gọi là trung tâm của vũ trụ, trung tâm của Hệ Ngân Hà, thái dương đích thực là đang xoay quanh chỗ này. Giả như lời nói này của ông có thể chứng thực, vậy thì một đại thiên thế giới có bao nhiêu Hệ Ngân Hà? Mười vạn ức Hệ Ngân Hà. Mười vạn ức Hệ Ngân Hà là một đại thiên thế giới mà trong Kinh Phật nói. Một đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Các vị phải rõ ràng, phải tường tận. Vậy Thích Ca Mâu Ni Phật có diệt độ hay không? Không hề, Thích Ca Mâu Ni Phật ở thế giới này của chúng ta thị hiện diệt độ rồi, nhưng có thể Ngài lại thị hiện ở một tinh cầu khác, không hề có diệt độ. Nơi nào duyên đã chín muồi rồi thì Phật ở ngay nơi đó hiện thân, như trong Phẩm Phổ Môn đã nói: "Thiên xứ sở cầu thiên xứ ứng", trên Kinh Lăng Nghiêm nói là "tùy loại hóa thân, tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng". Phật không có thân tướng nhất định, nơi nào có duyên thì hiện thân đến nơi đó, nơi nào không còn duyên nữa thì thân cũng sẽ không còn, cho nên không có sanh tử, mà là tùy loại hóa thân. Đó là thật, không phải là giả. Thế nên, ở trong

Hiền kiếp có một ngàn vị Phật đến Thế giới Ta Bà để thị hiện thành Phật (theo lời của Hoàng Lão cư sĩ đã nói, Thế giới Ta Bà chính là một đại thiên thế giới, là mười vạn ức Hệ Ngân Hà, trong một phạm vi lớn đến như vậy). Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, Phật Di Lặc là vị thứ năm, về sau còn có 995 vị Phật. Hiện tại địa vị các Ngài là Bồ Tát, tương lai liên tục thảy đều thay nhau thành Phật trong Hiền kiếp này, những người này đều đến dự hội. Ý này rõ ràng nói với chúng ta, trong vạn Phật không một vị Phật nào mà không nói Kinh này, không một vị Phật nào mà không tuyên dương pháp môn này, không một vị Phật nào không khuyên tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta phải giác ngộ ở ngay chỗ này, phải chân thật nắm được.

Hiện tại chúng ta sanh đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, tương lai ở Thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là nguyên lão, tư cách tiền bối, bởi vì trên Kinh đã nói rất rõ ràng, A Di Đà Phật thành Phật đến nay mới có mười kiếp. Mười kiếp, ở trong thời không không bờ mé mà nói là rất ngắn ngủi. Hôm nay chúng ta đến Thế giới Cực Lạc là rất sớm đạt được, sau vạn Phật ra đời rồi mới đi thì đều là hậu bối của chúng ta, cho nên hiện tại bạn vãng sanh, tương lai đều là huynh trưởng của những người đó. Phải đi sớm hơn một chút, không nên phải luân hồi nữa. Vừa luân hồi, vừa đọa lạc, về sau người hiện tại đi đều thành Phật, thành đại Bồ Tát rồi, chúng ta thì rơi lại quá xa. Tôi nghĩ đây là việc mà chúng ta không hề muốn nhìn thấy. Thật nếu không muốn nhìn thấy thì phải chăm chỉ nỗ lực học tập tinh tấn. Do đây có thể biết, chân thật là mười phương tất cả chư Phật Như Lai (không chỉ là Hiền kiếp thiên Phật), không một vị nào mà không lấy Kinh này làm đệ nhất, không một vị nào mà không lấy pháp môn niệm Phật làm đệ nhất. Đó là chúng ta phải nên học tập ở trong phẩm thứ nhất.

* * *

PHẨM HAI: ĐỨC TUÂN PHỔ HIỀN

Chúng ta lại tiếp tục xem đến phẩm thứ hai. Phẩm thứ hai là tiếp nối phẩm thứ nhất. Vì sao Hạ lão cư sĩ không đem hai phẩm này hợp lại thành một? Thực tế mà nói, hội tập lần đầu, hai phẩm này đích thực là hợp chung trong một phẩm, chúng ta xem phán khoa của Lão pháp sư Từ Chu thì liền thấy được. Hạ lão ban đầu hội tập ra, Pháp sư Từ Chu đã làm phán khoa cho Ngài, hơn nữa Pháp sư Từ Chu còn đem bổn hội tập này giảng qua một lần ở Tế Nam. Vào lúc đó quyển Kinh này tổng cộng phân thành 37 phẩm, không phải 48 phẩm như hiện tại. Trong tưởng tượng của chúng ta, đại khái Hạ lão là theo 37 phẩm trợ đạo mà phân thành

37 phẩm. Sau đó lại phải không ngừng tu đính, lại phải sửa đổi, sửa đổi đến mười lần mới thành bản gốc, đem toàn Kinh này phân thành 48 phẩm. Trong tưởng tượng của chúng ta, 48 phẩm nhất định là căn cứ vào 48 nguyện của Phật A Di Đà, thế là đem phẩm thứ nhất phân làm hai phẩm. Thế nhưng hai phẩm này vì sao không đem Bồ Tát tại gia phân vào phẩm thứ nhất? Khi chúng ta xem thì sẽ thấy rất là hợp lý, bởi vì họ đều là biểu pháp. Tại vì sao Ngài lại phân đoạn ở ngay chỗ này? Nhất định có dụng ý của Ngài. Không sai! Đích thực là có ý nghĩa rất sâu. Ý nghĩa ở chỗ nào vậy? Đặc biệt đem đoạn người tại gia này phân thành một đoạn riêng biệt chính là nhắc nhở chúng ta, pháp môn này, bộ Kinh này chủ yếu chính là độ đồng tu tại gia. Không nên cho rằng tu hành ngay đời thành Phật đại khái chỉ có người xuất gia mới có phần, người tại gia chúng ta nghiệp chướng sâu nặng không có phần. Ngài phân ra ngay chỗ này chính là ý này, bảo bạn không nên hoài nghi. Người tại gia có thể ở ngay trong một đời bình đẳng thành Phật, cùng với giáo nghĩa của quyển Kinh, cùng với bổn nguyện của Phật A Di Đà xác thực là rất tương ưng nhau. Đó là huệ nhãn đặc thù của Hạ lão cư sĩ, để cho chúng ta vừa xem đến đoạn này liền cảnh giác đến, liền thể hội được ý nghĩa này. Kinh này đích thực là lấy người tại gia làm chủ. Vì sao vậy? Bồ Tát tại gia có hơn 16 vị, hơn nữa 16 vị cư sĩ này đều là Bồ Tát Đẳng Giác hiện ra thân tại gia, địa vị của họ cùng Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí không hề khác nhau.

Trong nhà Phật chúng ta, Phật thì phần nhiều thị hiện hình tướng của người xuất gia, Bồ Tát thì thị hiện phần lớn là hình tướng tại gia. Bạn thấy tứ đại danh sơn ở Trung Quốc (tứ đại Bồ Tát là trụ cột trong pháp Đại thừa, là trung tâm trong pháp Đại thừa), trong bốn vị Bồ Tát, chỉ có Bồ Tát Địa Tạng là thị hiện tướng xuất gia. Vào thời nhà Đường, vương tử của Cao Ly xuất gia, đến núi Cửu Hoa của Trung Quốc, về sau chúng ta biết được Ngài là hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng, cho nên tạo tượng của Bồ Tát Địa Tạng nên tạo thành hình tướng xuất gia. Bồ Tát Quán Âm Nam Hải là hình tướng tại gia, Bồ Tát Văn Thù ở núi Ngũ Đài cũng là hình tướng tại gia, Bồ Tát Phổ Hiền ở núi Nga Mi - Tứ Xuyên cũng là hình tướng tại gia; ngay đến Bồ Tát Di Lặc, nếu các vị đến Bắc Kinh đi xem qua cung Ung Hòa thì biết, Bồ Tát Di Lặc cũng là tướng tại gia. Thế nhưng tập quán ở Trung Quốc đắp tượng Bồ Tát Di Lặc là đắp Hòa thượng Bố Đại hình tướng xuất gia. Hòa thượng Bố Đại xuất hiện ở triều Tống, thời đại Cao Tông Nam Tống, cùng thời đại với Nhạc Phi. Khi Bố Đại Ngài viên tịch, nói với mọi người Ngài là hóa thân của Bồ Tát Di Lặc đến đây, nói xong Ngài liền viên tịch. Việc này trong nhà Phật cũng có một quy củ như vậy, Phật Bồ Tát hóa thân tái lai tuyệt đối

không bộc lộ thân phận, thân phận vừa bị lộ thì nhất định đi ngay. Nếu như thân phận bị lộ mà vẫn chưa đi thì đó là giả, không phải thật. Hiện tại chúng ta nghe nói ở rất nhiều nơi, vị pháp sư nào đó là Phật gì đó tái lai, vị cư sĩ nào đó là Bồ Tát gì đó tái lai, nói rồi lại không chịu đi, việc này không đáng tin. Nói rồi thì phải đi, đây là thật không phải là giả, nói rồi mà không đi là giả, tuyệt đối không phải là thật.

Kinh chỉ nêu mười sáu vị Bồ Tát này, trên thực tế số Bồ Tát đến tham dự vượt qua một vạn hai ngàn người. Bồ Tát đến tham dự số lượng rất nhiều, cõi này, phương khác, (cõi này là thế giới Ta Bà, không chỉ ở địa cầu chúng ta), Bồ Tát các tinh cầu khác đến tham dự pháp hội này (thế giới phương khác không phải thế giới Ta Bà), vô lượng vô biên Bồ Tát trong cõi nước chư Phật đều đến tham gia. Chúng Bồ Tát quá nhiều quá đông, đặc biệt nêu ra mười sáu vị. Mười sáu vị là biểu pháp, mười sáu đại biểu viên mãn. Trong Phật pháp chúng ta có Hiển, có Mật. Biểu pháp trong Hiển giáo, trong Kinh A Di Đà là dùng bảy, bảy là đại biểu viên mãn, không phải chữ số. Bảy là chỉ gì vậy? Bảy là chỉ đông, nam, tây, bắc, thượng, hạ, trung gian. Trong Kinh Hoa Nghiêm thì dùng mười, mười cũng là đại biểu viên mãn, không phải chữ số. Trong Mật tông thường dùng mười sáu, mười sáu là đại biểu viên mãn ở trong Mật tông, nó cũng không phải là chữ số. Nơi nơi hiển thị đại viên mãn của Phật pháp. Danh hiệu của mười sáu vị này cũng là biểu pháp, chúng ta phải học tập ở ngay chỗ này, không nên để lỡ qua.

Mười sáu vị này là Bồ Tát Đẳng Giác tại gia.

Kinh văn: "**Hựu Hiền Hộ đẳng, thập lục Chánh Sĩ, sở vị Thiện Tư Duy Bồ Tát, Huệ Biện Tài Bồ Tát, Quán Vô Trụ Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Trí Thượng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Nguyện Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hành Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, nhi vi thượng thủ**".

1. Vị thứ nhất, Hiền Hộ Bồ Tát

Vị thứ nhất là tôn giả Hiền Hộ, chỗ này gọi là "Chánh Sĩ". "Chánh Sĩ" là tên riêng của Bồ Tát. Bồ Tát thông thường gọi là Đại Sĩ, chúng ta thường gọi Quán Âm Đại Sĩ, Phổ Hiền Đại Sĩ, gọi Đại Sĩ, cũng gọi là Chánh Sĩ. Chánh là Chánh giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, là ý như vậy. Chúng ta cũng gọi họ là Khai Sĩ. Khai Sĩ chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Khai Sĩ, Chánh Sĩ, Đại Sĩ đều là tôn xưng của Bồ Tát. Ngay chỗ này các vị đồng tu phải ghi nhớ, không

được gọi là Đại Sư (chữ "Sư" của lão sư). Đại Sư là tôn xưng đối với Phật. Bồ Tát Đẳng Giác chỉ có thể gọi là Đại Sĩ, không được gọi là Đại Sư. Hiện tại chúng ta xem thấy có rất nhiều người xuất gia xưng là Đại Sư, xưng hô như vậy không tốt, người xưa gọi là qua mặt. Bạn thành Phật rồi chưa? Bạn chưa thành Phật không thể xưng Đại Sư. Phật là Đạo Sư của trời người, bạn tự xưng Đại Sư thật quá đáng. Bồ Tát Quán Âm còn không dám xưng là Đại Sư. Văn Thù, Phổ Hiền nhìn thấy Đại Sư phải đảnh lễ ba lạy, đi nhiễu phía hữu ba vòng, bạn có phước báo lớn như vậy chưa? Bạn có thể gánh vác nổi hay không? Đây là thường thức phổ thông, chúng ta phải nên hiểu. Chúng ta tôn xưng người là tôn kính đối với họ, thế nhưng nếu vượt quá thì biến thành không tôn kính. Thí dụ chúng ta tôn xưng người, nhìn thấy người thì gọi tiên sinh là rất tôn kính rồi, nếu như nhìn thấy bạn mà gọi Tổng Thống tiên sinh, chẳng phải là mắng bạn hay sao? Có phải vậy không? Bạn không phải là tổng thống, tôi nhìn thấy bạn liền chào: "*Tổng Thống tiên sinh, xin chào ông!*" là vượt quá mức rồi. Việc này các vị nhất định phải hiểu. Bạn xem thấy người xuất gia mà gọi là Đại Sư thì là quá đáng, thì cũng giống như chúng ta gọi mọi người là Tổng Thống tiên sinh vậy, danh phận không phù hợp. Thường thức này chúng ta nên hiểu. Người hiện tại không biết, ngay đến một chút Phật học thường thức này cũng không biết, cho rằng gọi Đại Sư là tôn kính, làm gì biết được ý nghĩa chân thật. Việc này là không nên.

Bạn xem Ngài Ấn Quang, chúng ta gọi là Ấn Quang Đại Sư là sau khi Đại Sư Ngài viên tịch rồi, Ngài không còn ở đời, chúng ta tôn kính Ngài như vậy thì được. Khi Ngài còn ở đời, bạn xem thấy, năm xưa Pháp sư Ấn Quang Ngài lưu truyền cái gì? Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không phải Đại Sư. Sau khi Đại Sư Ngài viên tịch, chúng ta mới gọi Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Bạn xem thấy những năm đầu, khi mới đưa ra là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, Ấn tổ chính mình cũng không hề xưng là Đại Sư. Mọi người ở trước mặt Ngài cũng nhất định không dám gọi Ngài là Đại Sư, nếu gọi vậy thì Ngài liền mắng người đó ngay. Cho nên, ở trong nhà Phật chúng ta có một số xưng hô quen thuộc. Nhiều đời trước, các tông phái xưng "Tổ Sư", đó là tổ sư của một tông phái nào đó. Gọi "Pháp sư", phiên dịch Kinh điển gọi là Tam Tạng Pháp sư, không hề xưng Đại Sư; thông đạt Kinh giáo thì gọi là Kinh Sư Pháp sư, thông đạt Luật Tạng thì xưng là Luật sư, thông đạt Luận Tạng thì xưng là Luận sư. Những xưng hô này thường nghe thấy, làm gì nghe nói có Đại Sư, không ai dám dùng cách xưng hô này.

Vào thời trước làm thầy giáo của Hoàng Đế thì gọi là Quốc sư. Chúng ta xem thấy trong "Hoa Nghiêm", Đại Sư Thanh Lương là thầy của Hoàng Đế, Ngài

xưng là Quốc sư, cũng không dám xưng Đại Sư. Thế nhưng các vị phải nên biết, chỉ có tổ sư của Tịnh Độ tông có thể xưng Đại Sư, đó là trải qua nhiều đời công nhận, tổ sư của các tông phái khác đều không thể xưng Đại Sư, chỉ có Tịnh Độ tông. Vì sao vậy? Tịnh Độ tông là dạy người một đời bình đẳng thành Phật, tất cả chư Phật dùng pháp môn này, bạn ngày nay cũng dùng phương pháp này khuyên người niệm Phật, cũng bình đẳng thành Phật, không hề khác biệt với Phật, cho nên chỉ có tổ sư của Tịnh Độ tông có thể xưng Đại Sư.

Hiền Hộ, mười sáu vị tôn giả này, mười sáu vị Chánh Sĩ là Bồ Tát Đẳng Giác tại gia, các Ngài là người Thế giới Ta Bà của chúng ta, cùng thời đại với Thích Ca Mâu Ni Phật. Phía sau lại nói đến mười lăm vị Bồ Tát Đẳng Giác tại gia, đều là thế giới phương khác đến. Việc này rất có ý nghĩa. Hiền Hộ là chủ nhân của thế giới Ta Bà này, là chủ phương Đông, ngoài ra đều là khách. Việc này thị hiện ra, Phật nói pháp môn này đã chấn động tận hư không khắp pháp giới tất cả cõi nước chư Phật, giảng các Kinh khác thì không có sức mạnh này, chỉ riêng giảng bộ Kinh này là chấn động tận hư không khắp pháp giới, cho nên Bồ Tát mười phương thế giới tự nhiên liền sẽ đi đến phương này, ủng hộ đạo tràng, trang nghiêm đạo tràng. Bồ Tát đến đạo tràng là vô lượng vô biên. Bồ Tát Hiền Hộ là chủ phương Đông. Kỳ thật, chủ phương Đông không chỉ là một mình Ngài Hiền Hộ, Bồ Tát thế giới Ta Bà cũng rất nhiều, vì sao lại dùng Ngài? Dùng danh hiệu của Ngài để biểu pháp. Sứ mạng thứ nhất của người tại gia là hộ pháp, sứ mạng thứ nhất của Bồ Tát xuất gia là hoằng pháp. Hoằng pháp đương nhiên cũng phải hộ pháp, người xuất gia là lấy hoằng pháp làm chủ, hộ pháp là phụ trợ; Bồ Tát tại gia là lấy hộ pháp làm chủ, hoằng pháp là phụ trợ, hoằng và hộ đều phải gánh vác. Trong gánh vác có phân ra chủ, khách. Bốn chúng đồng tu phải hợp tác mật thiết thì Phật pháp mới có thể trụ thế gian lợi ích chúng sanh. Bốn chúng phải hợp tác mật thiết, không thể phân ra. Ngày nay trong Phật pháp không có đoàn kết, nhân lực, tài lực của chúng ta thảy đều bị phân tán, vì vậy đối với chính mình có tổn thất vô cùng to lớn, đối với tất cả chúng sanh càng không cần phải nói. Nếu như chân thật có tâm muốn đem Phật pháp phổ biến khắp thế giới, có thể phổ độ tất cả chúng sanh hữu tình trên thế giới, có thể làm được hay không? Có thể làm được! Dùng phương pháp gì để làm được vậy? Đoàn kết thì có thể làm được. Chúng ta tập trung nhân lực, tài lực, sau khi tập trung lực lượng thì có thể làm được. Bởi vì mọi người hiện tại đều phân tán, làm cho sức mạnh bị chia nhỏ, rất là đáng tiếc, làm bất cứ việc gì cũng đều bị hạn chế rất lớn, nhân lực không đủ, tài lực không đủ, chân thật là "tâm có thừa mà sức không đủ". Cho nên, ở ngay

chỗ này Phật dùng Bồ Tát Hiền Hộ để ngay vị trí thứ nhất chính là nhắc nhở chúng ta sự việc này.

"Hiền" là nói về đức, có trí tuệ, có đức năng; "Hộ" là hộ pháp, hộ trì chánh pháp. Công đức của hộ pháp cùng hoằng pháp là như nhau, thậm chí chúng ta có thể nói, công việc của hộ pháp vượt hơn hoằng pháp. Các vị tỉ mỉ mà nghĩ thì liền biết được. Nhân tài hoằng pháp không phải không có, tại gia, xuất gia, bốn chúng đệ tử nếu muốn phát tâm hoằng dương Phật pháp đều không khó, khó là ở chỗ nào vậy? Khó ở chỗ bạn có được một hộ pháp đắc lực hay không. Có được một thì liền có thể làm ra một số việc, nếu như có được rất nhiều vị hộ pháp thì sự nghiệp hoằng pháp của bạn quyết không phải ở Chư Phật, những đại Bồ Tát này thị hiện làm ra những việc làm đó, không phải ở nơi các Ngài, cho nên công đức của hộ pháp không thể nghĩ bàn.

Trong một đời này tôi đã đích thân trải qua, tôi cũng đã ở đây giảng qua mấy lần. Khi tôi còn trẻ, ở trong hội của lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam học Kinh giáo, học giảng Kinh. Sau khi học xong, nếu như không gặp được Hàn Quán Trưởng - người đã vãng sanh hồi năm trước (ngay trong các vị đồng tu đây cũng có người đã từng gặp qua bà, bà đã đến nơi đây rất nhiều lần), không có hộ trì của bà thì một chút năng lực chúng tôi cũng không có. Nếu không có người hộ pháp này, tôi chỉ có hai con đường để đi, một là đi theo con đường Kinh sám, hai là không chịu cam tâm làm Kinh sám thì hoàn tục, chỉ có hai con đường này, không có đường nào khác để đi. Bà phát đại tâm, tìm đủ mọi cách, không có đạo tràng thì thuê nhà mượn chỗ để cho tôi giảng Kinh mỗi tuần, ba mươi năm không hề gián đoạn. Mỗi một tuần chí ít giảng năm ngày, khi nhiều thì giảng hết bảy ngày, cho nên trong ba mươi năm này tôi không hề gián đoạn trên giảng đài. Không phải nói tôi giảng Kinh hay, người khác không bằng tôi, không hề có cái lý này. Người giảng hay hơn tôi thì rất nhiều, nhưng không có người hộ trì, hay nói cách khác, họ không có cơ hội để luyện tập ở trên giảng đài, tài cán của họ cũng bị mai một, không thể triển khai, bạn nói xem, đáng tiếc dường bao! Chúng ta hoằng pháp ở quốc tế đều là duyên phận. Tôi giảng Kinh ở Đài Bắc, có một vị pháp sư và hai vị cư sĩ ở Hồng Kông gặp được tôi ở Đài Loan, nghe tôi giảng Kinh, vào lúc đó tôi nhớ được là ở Chùa Thiện Đạo giảng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm hết tám ngày. Sau khi họ nghe rồi rất là hoan hỷ, yêu cầu tôi đến Hồng Kông. Tôi đã kết được pháp duyên với Hồng Kông. Ở Hồng Kông có bà Lôi nghe Kinh rất hoan hỷ, mỗi năm đều mời tôi, cho nên từ năm 1977 đến năm 1987, đại khái thời gian khoảng gần mười năm, mỗi năm tôi đều đến Hồng Kông một đến hai lần, thời gian dài nhất ở

Hồng Kông đến bốn tháng, ngắn nhất cũng không ít hơn một tháng, mỗi năm đều đi giảng. Sau khi bà Lôi vãng sanh thì không có người mời nữa, duyên này đã bị đứt đoạn. Chỉ một người! Nếu không có một người hộ pháp này, chúng ta muốn hoằng pháp cũng không có cơ hội, vì không có người mời, bạn mới biết được công đức hộ pháp bao lớn. Không có hộ pháp thì người ở phương đó không có cơ duyên nghe pháp. Có một hộ pháp như vậy, mời một vị pháp sư đến giảng Kinh, người ở địa phương đó được lợi ích của Phật pháp, ai có công đức vậy? Người hộ pháp có công đức. Cho nên tôi thường nói, công đức của hộ pháp vượt hơn công đức của pháp sư giảng Kinh hoằng pháp rất nhiều lần.

Năm 1987, tôi giảng Kinh ở Hồng Kông, có ba cư sĩ ở Singapore nghe Kinh cũng rất hoan hỷ, sau khi nghe rồi nhất định muốn kéo tôi đến Singapore. Tôi nói: "*Cũng tốt! Tôi cũng chưa đi Singapore lần nào, tôi qua tham quan với các vị*". Đó là lần đầu tiên đến Singapore, khi đến thì ở hết mười ngày. Tôi nhớ là khi tôi đến thì ở Chùa Song Lâm. Lúc đó tôi có giảng qua một lần ở Cư Sĩ Lâm, dường như giảng qua ba lần ở Chùa Song Lâm, ở đoàn thanh niên hoằng pháp thì giảng qua hai lần. Đoàn hoằng pháp lúc đó là đạo tràng cũ, không phải chỗ mới xây dựng sau này, nơi đó rất hẹp. Có rất nhiều nơi tôi giảng qua mấy lần, kết duyên với các đồng tu bên đây, quen biết với cư sĩ Lý Mộc Nguyên. Cư sĩ Lý tìm tôi mỗi năm. Đến năm thứ hai thì ông đã làm Đoàn Trưởng của đoàn hoằng pháp. Đoàn quán của đoàn mới đã xây xong, họ mời tôi, tôi liền giảng cho họ bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Về sau ông đến Cư Sĩ Lâm làm Tư Lý, mỗi năm chúng tôi lại đến Cư Sĩ Lâm để giảng. Chỉ có một mình ông mời, nếu không có ông, các vị thử nghĩ xem, ai mời tôi đến giảng? Không có người! Như vậy bạn mới biết được, bất cứ nơi giảng Kinh nào trên toàn thế giới, Phật pháp có thể mở mang rộng lớn, được đắc lực là do bởi một hai hộ pháp, họ đã làm được công đức chân thật. Cũng giống như họ ở nơi đây xây trường học, làm hiệu trưởng, mở tiệm làm ông chủ, chúng ta là người làm công do họ mời đến để giúp họ làm việc. Cho nên hộ pháp là ông chủ, hộ pháp là chủ nhân, chủ giáo hóa một phương này, công đức vô lượng vô biên.

Vào thời xưa, công việc hộ pháp là do trụ trì của các Tự Viện làm. Trụ trì là giáo chủ một phương, Tự Viện chính là trường học, trụ trì là hiệu trưởng. Trụ trì thì có thể không giảng Kinh, có thể không nói pháp, mời thỉnh pháp sư đến nơi đây để giảng Kinh, cũng giống như làm hiệu trưởng vậy, hiệu trưởng thì có thể không lên lớp, mà làm hành chánh, họ có thể mời thỉnh thầy giáo giỏi, giúp cho họ giáo dục học sinh. Cho nên trụ trì là hoằng - hộ, trong hai trách nhiệm này thì

trách nhiệm của hộ pháp vượt hơn trách nhiệm của hoằng pháp. Họ chú trọng nhất là làm hộ pháp, sau đó là hoằng pháp. Không có sự hộ trì của họ thì Phật pháp không thể thường trụ được ở thế gian.

Từ trong danh hiệu của Bồ Tát Hiền Hộ, hôm nay chúng ta hiểu được công đức của hộ pháp không thể nghĩ bàn, cho nên phải học hộ pháp, toàn tâm toàn lực hộ pháp. Đặc biệt là pháp sư trẻ tuổi, nếu không có được sự hộ trì đắc lực thì họ làm sao có thể trưởng thành, làm sao có thể trở thành pháp sư hoằng dương Phật pháp kiệt xuất một đời? Pháp sư giảng Kinh quan trọng nhất là rèn luyện ở trên bục giảng, phải giúp cho họ lên bục giảng mỗi ngày, đó chính là đốc thúc họ. Mọi người chúng ta rất thích nghe Kinh, ưa thích nghe bạn giảng Kinh, vậy thì bạn đành phải giảng mỗi ngày thôi. Nếu bạn giảng mỗi ngày, mỗi ngày đều không thể ngủ nghỉ, cố gắng mà chuẩn bị, ép bạn phải thành công. Nếu như mọi người chúng ta không mời họ giảng Kinh, cho dù họ học có được tốt hơn, nhưng sau ba tháng thì quên sạch, sau sáu tháng thì họ sẽ không thể lên bục giảng, như vậy bạn mới biết được hộ pháp là quan trọng. Hộ pháp thành tựu pháp sư, hộ pháp có thể khiến cho chánh pháp thường trụ dài lâu, cho nên các vị pháp sư xuất gia, tương lai có cơ hội làm trụ trì thì bạn phải tường tận, trụ trì phải làm công việc của Hiền Hộ, phải biết lễ thỉnh pháp sư.

Mời pháp sư như thế nào vậy? Pháp sư phải tương ưng với bổn tông tu học của chúng ta, thì đối với đại chúng đồng tu chúng ta mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Nếu như cái tu cái học của vị pháp sư này khác với pháp môn của chúng ta, Kinh luận nương theo cũng khác nhau, vậy thì chúng ta không nên mời. Việc này tuyệt nhiên không phải nguyên nhân gì khác, người xưa thường nói: "Thà làm động nước ngàn sông, không dám động tâm người tu niệm". Ở nơi đây đã chọn pháp môn niệm Phật, chuyên tu chuyên hoằng, họ đã có thành tựu nhất định, nếu như ở đây tôi giảng Thiền, giảng Mật thì sẽ làm loạn tâm thanh tịnh của các vị, nhiễu loạn công phu của các vị, phá hoại tu hành của các vị, vậy thì tôi có lỗi, không những không có công đức mà còn có lỗi, nhất định không nên làm. Thế nhưng đối với pháp sư phải cung kính cúng dường nhất định là như nhau.

Khi tôi còn trẻ cùng với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam mười năm. Ngay trong mười năm, tôi quan sát Lão cư sĩ ở Đài Trung hoằng hộ Tịnh tông. Pháp sư nơi khác đi ngang qua Đài Trung, Lý lão sư lễ mạo cung kính rất là chu đáo, đến ga xe nghinh tiếp, hoan nghênh. Khi đón tiếp, ông nhất định đích thân dẫn dắt mọi người, rước đến đạo tràng, hướng đến pháp sư lễ lạy cúng dường, cũng có lúc mở tiệc tiếp đãi, mời pháp sư dùng cơm, thế nhưng từ đầu đến cuối không hề mời pháp sư

giảng khai thị. Tôi quan sát rất lâu, cảm thấy kỳ lạ, nên hỏi: "*Thưa thầy, vì sao không thấy thầy mời họ giảng khai thị?*". Giảng Kinh thì đương nhiên càng không thể, bởi vì không có thời gian dài đến như vậy, phải nên giảng khai thị cho mọi người. Thầy mỉm cười nói: "*Chú không hiểu*". Sau đó thầy nói rõ đạo lý này cho tôi nghe, vị pháp sư này tham thiền, vị pháp sư kia là nghiên cứu, lý tưởng của họ không như chúng ta. Chúng ta ở nơi đây rất không dễ gì dẫn dắt mọi người tin vào pháp môn Tịnh Độ, trung thực niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi họ vừa nói tham Thiền hay, vừa nói học Mật tốt, tức thân thành Phật diệu, những người ở đây lập tức liền bị dao động, liền sẽ bị họ xỏ mũi kéo đi. Ngạn ngữ nói rất hay: "Hòa thượng bên ngoài đến giỏi tụng Kinh". Mỗi ngày ở chung với nhau thì không có gì lạ, chỗ khác đến sẽ hiếm lạ; mỗi ngày dạy dỗ cho bạn, dạy bạn hết mười năm, người bên ngoài đến chỉ mấy giờ đồng hồ thì kéo bạn đi mất. Do nguyên nhân gì vậy? Chính chúng ta không có định, không có huệ, không có năng lực phân biệt, khi vừa nghe nói cái đó hay thì ngay lúc đó tâm liền bị dao động, kết quả là chính chúng ta bị thiệt thòi. Cho nên lão sư Lý phải hộ pháp, gìn giữ chánh tri chánh kiến của đại chúng trong đạo tràng này, gìn giữ tâm thanh tịnh của đại chúng, cho nên quyết định không thể mời người khác đến giảng khai thị.

Những người nào có thể giảng khai thị? Vị pháp sư đó tu Tịnh Độ, thành thật niệm Phật, niệm được rất tốt. Pháp sư như vậy khi đến Đài Trung, thầy nhất định phải thỉnh họ giảng khai thị. Nếu như không phải cùng học một pháp môn với chúng ta, cùng nhau y theo Tịnh Độ ba Kinh thì nhất định không mời. Đây không phải là do có tâm phân biệt. Những chỗ này chúng ta đều phải học, đó là một chuyên gia chân thật có trí tuệ hộ trì chánh pháp của đại chúng, Hiền Hộ Ngài chân thật đã làm được rồi. Đạo lý này chúng ta không thể không hiểu. Cho nên, trụ trì một đạo tràng là con mắt của đại chúng trong đạo tràng đó. Bạn là người dẫn đầu, bạn là người dẫn đường, những người phía sau đi theo bạn, nếu bạn đi sai thì những người này thảy đều đi sai hết, bạn phải chịu trách nhiệm. Cho nên con đường của bạn đi nhất định phải thuần chánh, quyết định không thể có sai lầm, còn phải phòng hộ người nơi khác đến làm rối. Đạo tràng này của chúng ta chân thật có tín tâm, có nguyện lực cũng không ít, thế nhưng cái tín-nguyện này có kiên cố hay không? Chưa thấy được, có lẽ gặp được vài người nói cho bạn nghe một tràng lời ngon lời ngọt, tâm của bạn liền dao động, bạn liền đi với họ.

Hôm nay tôi vừa nói việc này với cư sĩ Lý Mộc Nguyên, ông nêu ra một thí dụ, ông nói: "Những người đó đến để câu cá, câu hết cá của chúng ta đem đi". Thí dụ này rất có ý nghĩa, đạo tràng này của chúng ta giống như cái ao cá vậy,

đồng tu chúng ta đều như cá nhỏ, những người đó đến câu cá, người hộ pháp này phải ngăn cấm. Cho nên nhất định phải nhận biết rõ ràng, các đồng tu phải có một quan niệm, Tịnh tông chúng ta cùng nhau đồng tâm, đồng đức tu học pháp môn này, chúng ta hy vọng tương lai đồng sanh Tịnh Độ, mọi người vẫn cùng nhau ở Hải Hội Liên Trì, tín tâm, nguyện tâm của chúng ta nhất định không thể dao động, nhân lực tài lực của chúng ta, tất cả sức mạnh đều phải tập trung đến Cư Sĩ Lâm. Cư Sĩ Lâm là một đạo tràng xưa có hơn 60 năm lịch sử. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên (ngày nay nói ra mọi người đều công nhận, không phải tôi tán thán ông), ông là Bồ Tát tái lai, không phải người thông thường. Ông không hề có chút tâm riêng tư, danh vọng, lợi dưỡng, năm dục, sáu trần ông thảy đều buông bỏ; khởi tâm động niệm hành vi việc làm là vì Phật pháp, vì chúng sanh. Một người lãnh đạo như vậy, một thiện tri thức như vậy, tôi đi qua rất nhiều khu vực quốc gia khác, rất nhiều đạo tràng khác cũng chưa hề thấy qua, vì vậy khi ông đến tìm tôi, tôi không thể không đến. Như trong đầu tư mua bán, đây là ông chủ tốt, có đạo nghĩa, tôi không đến thì có lỗi với ông. Nếu như ông có lòng riêng tư, có mục đích, có mưu đồ thì tôi nhất định không đến. Thuần túy vì Phật pháp, vì chúng sanh, vì an định xã hội, vì mong cầu hòa bình thế giới, tâm nguyện thuần tịnh vĩ đại như vậy, nếu chúng ta không dốc hết một chút sức mọn đến giúp đỡ ông thì chúng ta có lỗi với ông, cũng có lỗi với đạo tràng này, có lỗi với đại chúng xã hội. Ông là một người lãnh đạo. Đặc biệt là ba năm gần đây, thành lập lớp bồi dưỡng là do ông phát nguyện làm, ông đến tìm tôi, nếu tôi không đến thì không được. Toàn bộ công việc hoằng pháp của các đạo tràng khác tôi đều buông xuống, toàn tâm toàn lực ở nơi này giúp các pháp sư trẻ tuổi, đó là nghĩa vụ mà tôi phải dốc sức. Thế nhưng phải có hiệu trưởng mới được, có ông chủ mới được, chúng ta đến là để làm công, làm giáo viên. Tuổi tác tôi lớn rồi, Phật pháp nhất định phải có người sau kế tiếp thì Phật pháp mới có tiền đồ, chúng sanh mới có phước báo. Tuổi tác tôi lớn như vầy rồi, phải giao ban rồi. Công việc hoằng pháp lợi sanh phải giao cho pháp sư trẻ tuổi. Họ có thể tiếp ban thì tôi liền có thể thoái hưu. Tôi đến nơi nào để thoái hưu vậy? Đương nhiên các vị đều biết tôi đến Thế giới Cực Lạc để nghỉ hưu, sự việc nơi đây đã làm xong, "việc đã làm xong, không nhận thù lao". Cho nên, những năm cuối đời của chúng ta chỉ có một sự việc là dạy học, viết sách, giúp đỡ hậu học, đó là một trách nhiệm sau cùng, cũng là trách nhiệm lớn nhất của chúng ta, hai chữ Hiền Hộ này mới có thể làm được viên mãn, chân thật thực tiễn.

Hàm nghĩa của danh hiệu Bồ Tát Hiền Hộ rất sâu rất rộng, tôi vẫn chưa nói hết, mới nói sơ qua một chút. Thứ bảy tuần sau chúng ta sẽ nói tiếp, vì sao vậy? Vì nó rất quan trọng. Chúng ta phải làm thế nào học tập Bồ Tát Hiền Hộ? Từ trong danh hiệu của Ngài, chúng ta phải làm thế nào để học? Đem Hiền Hộ áp dụng ở trên vai của chính mình thì chúng ta chính là Hiền Hộ Chánh Sĩ rồi.

A Di Đà Phật!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ